

Số: 519 /2020/NQ-HĐND

Kiên Giang, ngày 23 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG KHÓA IX,
KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI LĂM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Xét Tờ trình số 250/TTr-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Báo cáo thẩm tra
số 109/BC-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội
đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-
2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch vốn giữa các sở, ngành, địa phương với
tổng kế hoạch vốn là 182.700 triệu đồng, gồm: tăng kế hoạch vốn 23 dự án,
giảm kế hoạch vốn 106 dự án. Cụ thể như sau:

1. Vốn cân đối ngân sách tăng, giảm 73.029 triệu đồng, gồm tăng kế hoạch
vốn 16 dự án, giảm kế hoạch vốn 67 dự án (kèm theo Phụ lục I).
2. Vốn xổ số kiến thiết tăng, giảm 91.515 triệu đồng, gồm tăng kế hoạch
vốn 05 dự án, giảm kế hoạch vốn 35 dự án (kèm theo Phụ lục II).
3. Vốn thu từ sử dụng đất tăng, giảm 18.156 triệu đồng, gồm tăng kế hoạch
vốn 02 dự án, giảm kế hoạch vốn 04 dự án (kèm theo Phụ lục III).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị
quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này bãi bỏ một số danh mục dự án tại các phụ lục ban hành kèm theo các nghị quyết: số 114/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017; Nghị quyết số 156/2018/NQ-HĐND ngày 24/7/2018; Nghị quyết số 178/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018; Nghị quyết số 207/2019/NQ-HĐND ngày 22/4/2019; Nghị quyết số 222/2019/NQ-HĐND ngày 26/7/2019; Nghị quyết số 261/2019/NQ-HĐND ngày 21/10/2019; Nghị quyết số 271/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019; Nghị quyết số 306/2020/NQ-HĐND ngày 03/4/2020; Nghị quyết số 466/2020/NQ-HĐND ngày 09/9/2020; Nghị quyết số 493/2020/NQ-HĐND ngày 11/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang đã được điều chỉnh tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang Khoá IX, Kỳ họp thứ Hai mươi lăm thông qua ngày 23 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày ký./. *Mai Văn Huỳnh*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND cấp huyện;
- Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (để đăng Công báo tỉnh);
- Lãnh đạo VP, các phòng, chuyên viên;
- Lưu: VT, ddqnhut.

CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh

Phụ lục I

**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 ĐẦU TƯ SỬ DỤNG VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

(Kèm theo Nghị quyết số **519** /2020/NQ-HĐND ngày **23** tháng **12** năm 2020 của HĐND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương							
							Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ						649.694	0	649.694	3.178	73.029	-73.029	
I	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn						166.235	0	130.878	3.178	3.185	-38.542	
1	Dự án khôi phục nâng cấp đê biển An Biên - An Minh	Huyện An Biên, An Minh	2010-2015	Số 2319/QĐ-UBND, 25/9/2008; 2173/QĐ-UBND, 05/9/2013; 3031/QĐ-UBND, 10/12/2015; 2926/QĐ-UBND, 25/12/2018 của UBND tỉnh	255.000	29.330	17.030		16.993			-37	
2	Trạm trồng trọt và bảo vệ thực vật, trạm chăn nuôi và thú y, trạm khuyến nông và phòng nông nghiệp huyện U Minh Thượng	Huyện U Minh Thượng	2016-2018	Số 410/QĐ-SKHĐT, 30/10/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	5.484	5.484	5.215		5.208			-7	
3	Đóng mới tàu kiểm ngư trang bị cho lực lượng thanh tra chuyên ngành Thủy sản Kiên Giang.	Thành phố Rạch Giá	2019-2021	Số 1853/QĐ-UBND, 15/8/2019 của UBND tỉnh	44.000	44.000	43.312		43.142			-170	
4	Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển Hòn Đất - Kiên Hà giai đoạn 2016 - 2020	Huyện Hòn Đất, Kiên Lương và thành phố Hà Tiên		Số 2358/QĐ-UBND, 24/10/2018 của UBND tỉnh	187.748	10.299	9.450		4.231			-5.219	
5	Nâng cấp cảng cá Tắc Cậu giai đoạn 1	Huyện Châu Thành	2017-2019	Số 4461/QĐ-BNN-TCTS, 28/10/2016 của BỘ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	95.166	1.485	2.600		0			-2.600	

Số thứ tự	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương							
							Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
6	Hạt kiểm lâm Hà Tiên	Thành phố Hà Tiên	2019-2020	Số 385/QĐ-SKHĐT, 30/10/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.500	1.500	1.350		1.205			-145	
7	Trạm kiểm dịch động vật cửa khẩu Giang Thành	Huyện Giang Thành	2019-2020	Số 264/QĐ-SKHĐT, 12/8/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.782	1.782	1.780		1.537			-243	
8	Trại giống Thừ 6 Biển, xã Nam Thái, huyện An Biên; hạng mục: sân nền, thoát nước, bể chứa.	Huyện An Biên	2.020	Số 392/QĐ-SKHĐT, 30/10/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.300	1.300	1.300		1.179			-121	
9	Dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long	tỉnh Kiên Giang		Số 1825/TTg-QHTh, 14/10/2015 của Thủ tướng; 1693/QĐ-BNN-HTQT, 09/5/2016 của Bộ Nông nghiệp	729.247		80.048		50.048			-30.000	
10	Thả phao phân vùng thám cơ biển khu bảo tồn biển Phú Quốc	Huyện Phú Quốc	2016-2017	Số 275/QĐ-UBND; 18/10/2010 của UBND tỉnh	8.725		4.150		4.157		7		
11	Côngtrình hệ thống thủy lợi phục vụ Nuôi trồng thủy sản vùng Vàm Răng-Bà Hòn, tỉnh Kiên Giang	Huyện Kiên Lương	2007-2021	Số 1243/QĐ-UBND, 09/7/2007; 3115/QĐ-UBND, 14/12/2009; 3053/QĐ-UBND, 27/12/2013; 832/QĐ-UBND, 27/4/2015; 210/QĐ-UBND, 23/01/2017; 2792/QĐ-UBND, 08/12/2020 của UBND tỉnh.	559.348	5.400			3.178	3.178	3.178		
II	Sở Giao thông Vận tải						86.000		81.000	0	0	-5.000	
1	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.963B (đoạn Bến Nhứt - Giồng Riềng)	Huyện Giồng Riềng	2019-2020	Số 2411/QĐ-UBND, 30/10/2018 của UBND tỉnh	133.759	133.759	86.000		81.000			-5.000	
III	Sở Du lịch						40.251		32.465	0	0	-7.786	

Số thứ tự	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Đầu tư xây dựng Cơ sở hạ tầng khu di tích lịch sử thắng cảnh núi Mo So và hồ Hoa Mai	huyện Kiên Lương, U Minh Thượng		Số 695/QĐ-UBND, 28/3/2016 của UBND tỉnh	80.591	53.591	40.251		32.465			-7.786	
IV	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường Nông thôn tỉnh						15.484		15.419	0	0	-65	
1	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc	Huyện Gò Quao	2017-2020	Số 461/QĐ-SKHĐT, 29/10/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	6.346	6.346	6.042		6.027			-15	
2	Nâng cấp sửa chữa các công trình cấp nước để phục vụ nhân dân vùng ven biển và một số khu vực bị thiếu nước trong mùa khô năm 2016	Tỉnh Kiên Giang	2016-2017	Số 100/QĐ-SKHĐT, 31/3/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	9.918	9.918	9.442		9.392			-50	
V	Hội Liên hiệp các tổ chức hữu nghị						1.040		0	0	0	-1.040	
1	Trường phổ thông trung học Minh Thuận (trả nợ - liên hiệp các tổ chức hữu nghị)	Huyện U Minh Thượng					1.040		-			-1.040	
VI	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh						79.841		70.732	0	0	-9.109	
1	Ban chỉ huy Quân sự huyện U Minh Thượng (GD 2)	Huyện U Minh Thượng		Số 2593/QĐ-UBND, 31/12/2013 của UBND tỉnh	30.414		19.227		15.387			-3.840	
2	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Kiên Giang (GD 1)	Huyện Kiên Lương		Số 1793/QĐ-UBND, 18/7/2013 của UBND tỉnh	132.633	19.232	12.853		10.945			-1.908	
3	Bến cập tàu Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	Thành phố Hà Tiên		Số 113/QĐ-UBND, 30/3/2016 của UBND tỉnh	15.000	15.000	14.200		12.500			-1.700	
4	Đầu tư Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn năm 2019 và 2020.	tỉnh Kiên Giang	2.020	Số 387/QĐ-SKHĐT, 30/10/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	10.561	10.561	33.561		31.900			-1.661	
VII	Trường Cao đẳng nghề						18.986		18.706	0	0	-280	

Số thứ tự	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách địa phương						
							Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Dự án đầu tư trường Cao đẳng Nghề (2016-2020)	Thành phố Rạch Giá	2018-2020	Số 2244/QĐ-UBND, 26/10/2017 của UBND tỉnh	21.094	21.094	18.986		18.706			-280	
VIII	Sở Giáo dục và Đào tạo						14.480		11.372	0	0	-3.108	
1	Trường Tiểu học An Minh Bắc 2 huyện U Minh Thượng	Huyện U Minh Thượng	2018-2019	Số 326/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	14.480	10.800	14.480		11.372			-3.108	
IX	Sở Khoa học và Công nghệ						13.380		12.080	0	0	-1.300	
1	Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ các huyện, thị, thành phố.	Tỉnh Kiên Giang	2018-2020	Số 335/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	13.500	13.500	13.380		12.080			-1.300	
X	Sở Văn hóa thể thao						10.000		14.609	0	4.609	0	
1	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	Thành phố Rạch Giá	2018-2020	Số 2283/QĐ-UBND, 30/10/2017 của UBND tỉnh	130.000	50.000	10.000		14.609		4.609		
XI	Huyện An Minh						20.438		20.438	0	379	-379	
1	Trường Tiểu học Đông Hưng 1	Huyện An Minh	2019-2021	Số 3316/QĐ-UBND, 16/9/2019 của UBND huyện	3.800	3.800	3.200		3.155			-45	
2	Trường Tiểu học Danh Côi	Huyện An Minh	2018-2020	Số 3737/QĐ-UBND, 29/10/2018 của UBND huyện	4.000	4.000	3.460		3.452			-8	
3	Dự án xử lý rác thải huyện An Minh; hạng mục: đường vào	Huyện An Minh	2018-2020	Số 3741/QĐ-UBND, 29/10/2018 của UBND huyện	5.000	5.000	4.500		4.414			-86	
4	Trường Mầm non Tân Thạnh, huyện An Minh (CBĐT)	Huyện An Minh		Số 3514/QĐ-UBND, 14/10/2019 của UBND huyện	640	640	640		400			-240	

Số thứ tự	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách địa phương						
							Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
5	Trường Trung học cơ sở Đồng Hưng 2	Huyện An Minh	2019-2021	Số 3317/QĐ-UBND, 16/9/2019 của UBND huyện	1.500	1.500	1.135		1.242		107		
6	Trường Tiểu học Thị trấn 1, huyện An Minh	Huyện An Minh	2019-2021	Số 3738/QĐ-UBND, 29/10/2018; 3318/QĐ-UBND, 16/9/2019 của UBND huyện	14.950	14.950	7.503		7.775		272		
XII	Huyện An Biên						77.140		76.458	0	2.229	-2.911	
1	Bảo trì sửa chữa trường chính trị huyện An Biên	Huyện An Biên	2016-2018	Số 5690/QĐ-UBND, 28/10/2016 của UBND huyện	3.000	3.000	3.000		2.964			-36	
2	Trường tiểu học Thị trấn Thứ Ba 1 (phòng học và thiết bị)	Huyện An Biên	2019-2021	Số 4476/QĐ-UBND, 30/10/2019 của UBND huyện	2.118	2.118	2.118		1.818			-300	
3	Trường Trung học cơ sở Tây Yên (phòng học và thiết bị)	Huyện An Biên	2018-2020	Số 4806/QĐ-UBND, 30/10/2018 của UBND huyện	2.606	2.606	2.606		2.593			-13	
4	Trường Mầm non Tây Yên (phòng học và thiết bị)	Huyện An Biên	2019-2021	Số 4477/QĐ-UBND, 30/10/2019 của UBND huyện	475	475	475		421			-54	
5	Trường Tiểu học Đông Thái 4 (phòng học và TB)	Huyện An Biên	2018-2020	Số 4808/QĐ-UBND, 30/10/2018 của UBND huyện	2.117	2.117	2.118		1.953			-165	
6	Trường Mầm non Đông Thái (Điểm chính)	Huyện An Biên	2018-2020	Số 4809/QĐ-UBND, 30/10/2018 của UBND huyện	1.799	1.799	1.800		1.784			-16	
7	Trường Tiểu học Đông Thái 5	Huyện An Biên	2019-2021	Số 4478/QĐ-UBND, 30/10/2019 của UBND huyện	1.979	1.979	1.979		1.934			-45	
8	Trường Tiểu học Hưng Yên 2	Huyện An Biên	2017-2019	Số 7826/QĐ-UBND, 25/10/2017 của UBND huyện	2.210	1.569	2.199		2.195			-4	

Số thứ tự	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách địa phương						
							Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
9	Trường Tiểu học Tây Yên 2 (phòng học và thiết bị)	Huyện An Biên	2017-2019	Số 7817/QĐ-UBND, 25/10/2017 của UBND huyện	2.210	1.569	1.979		1.927			-52	
10	Trường tiểu học Tây Yên A 2 (phòng học và thiết bị)	Huyện An Biên	2017-2019	Số 7817/QĐ-UBND, 25/10/2017 của UBND huyện	2.210	1.569	2.343		2.342			-1	
11	Trường Tiểu học Tây Yên 1 (hàng rào, sân nền, san lấp mặt bằng, phòng học, thiết bị)	Huyện An Biên	2015-2017	Số 3574/QĐ-UBND, 30/10/2015 của UBND huyện	3.010	3.010	4.043		4.019			-24	
12	Trường Tiểu học Hưng Yên 1 (phòng học, thiết bị)	Huyện An Biên	2019-2021	Số 4480/QĐ-UBND, 30/10/2019 của UBND huyện	1.059	1.059	1.059		977			-82	
13	Trường tiểu học Nam Thái A2 (phòng học, thiết bị)	Huyện An Biên	2019-2021	Số 4481/QĐ-UBND, 30/10/2019 của UBND huyện	1.412	1.412	1.412		1.392			-20	
14	Cải tạo, sửa chữa các khối nhà làm việc, nhà khách, kho lưu trữ Huyện uỷ An Biên.	Huyện An Biên	2019-2021	Số 4465/QĐ-UBND, 30/10/2019 của UBND huyện	4.200	4.200	4.200		4.080			-120	
15	Trụ sở UBND xã Nam Yên; hạng mục: Xây dựng mới trụ sở + san lấp mặt bằng.	Huyện An Biên	2015-2018	Số 3487/QĐ-UBND, 27/10/2015 của UBND huyện	7.500	7.500	7.479		6.845			-634	
16	Trường Trung học cơ sở Nam Thái A (phòng học và thiết bị)	Huyện An Biên	2019-2021	Số 4482/QĐ-UBND, 30/10/2019 của UBND huyện	1.736	1.736	1.736		1.726			-10	
17	Cải tạo sửa chữa Bìa chiến thắng Xẻo Rô	Huyện An Biên	2019-2021	Số 3755/QĐ-UBND, 18/9/2019 của UBND huyện	2.477	2.476	2.476		2.321			-155	
18	Đường Kênh Hậu, thị trấn Thứ Ba (đoạn từ tuyến tránh đến kênh Thứ Ba)	Huyện An Biên	2018-2020	Số 4715/QĐ-UBND, 12/10/2018 của UBND huyện	14.500	14.500	14.500		13.320			-1.180	
19	Trường Tiểu học Tây Yên A1 (phòng học)	Huyện An Biên	2014-2016	Số 3305/QĐ-UBND, 26/7/2014 của UBND huyện	6.408	6.408	2.129		2.137		8		

الاجرة المأجورة

11

Số thứ tự	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách địa phương						
							Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
20	Trường Tiểu học Đông Thái 3 (phòng học, thiết bị, san lấp và hàng rào)	Huyện An Biên		Số 5730/QĐ-UBND, 28/10/2016 của UBND huyện	9.999	7.500	9.697		9.706		9		
21	Nhà vệ sinh các điểm trường năm 2016-2020	Huyện An Biên	2015-2017	Số 3568/QĐ-UBND, 30/10/2015; 4818/QĐ-UBND, 30/10/2018 của UBND huyện	1.800	1.800	1.800		1.824		24		
22	Trường Tiểu học Nam Thái 2 (phòng học, thiết bị, hàng rào, sân nền, san lấp mặt bằng)	Huyện An Biên	2015-2017	Số 3575/QĐ-UBND, 30/10/2015 của UBND huyện	678	678	592		598		6		
23	Hội trường UBND huyện An Biên; hạng mục: xây dựng mới hội trường.	Huyện An Biên	2015-2018	Số 3563/QĐ-UBND, 29/10/2015 của UBND huyện	7.498	7.498	5.400		7.582		2.182		
XIII	Huyện Giang Thành						64.370		61.968	0	0	-2.402	
1	Trường Mầm non Vĩnh Phú (điểm Đông Cơ)	Huyện Giang Thành	2018-2020	Số 1984/QĐ-UBND, 22/10/2018 của UBND huyện	1.999	1.800	2.000		1.968			-32	
2	Trường Mầm non Vĩnh Điều (Đ. HT2)	Huyện Giang Thành	2018-2020	Số 1970/QĐ-UBND, 22/10/2018 của UBND huyện	1.798	1.798	1.800		1.765			-35	
3	Trường TH&THCS Vĩnh Điều (Đ. HT2)	Huyện Giang Thành	2018-2020	Số 1986/QĐ-UBND, 22/10/2018 của UBND huyện	5.199	4.300	5.199		4.805			-394	
4	Trường Mầm non Phú Lợi (Đ. HN2)	Huyện Giang Thành	2.018	Số 1274/QĐ-UBND, 26/10/2017 của UBND huyện	1.999	1.900	1.894		1.893			-1	
5	Trường Tiểu học Tân Khánh Hoà (Đ. Tân Khánh)	Huyện Giang Thành	2.018	Số 1273/QĐ-UBND, 26/10/2017 của UBND huyện	1.449	1.449	1.493		1.486			-7	

Số thứ tự	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách địa phương						
							Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
6	Trường Mầm non Tân Khánh Hoà (Đ. Khánh Hòa)	Huyện Giang Thành	2018-2020	Số 1987/QĐ-UBND, 22/10/2018 của UBND huyện	2.178	1.800	2.178		2.061			-117	
7	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Diệu (Đ. Rộc Xáy)	Huyện Giang Thành	2018-2020	Số 1983/QĐ-UBND, 22/10/2018 của UBND huyện	1.691	1.500	1.692		1.486			-206	
8	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Phú B (Điểm T4)	Huyện Giang Thành	2.018	Số 1267/QĐ-UBND, 24/10/2017 của UBND huyện	3.231	3.231	3.200		3.043			-157	
9	Trường Tiểu học Phú Lợi (Đ. Tà Teng)	Huyện Giang Thành	2018-2020	Số 1966/QĐ-UBND, 22/10/2018 của UBND huyện	1.663	1.663	1.620		1.528			-92	
10	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Diệu (điểm Tà Êm)	Huyện Giang Thành	2019-2021	Số 1831/QĐ-UBND, 28/10/2019 của UBND huyện	2.000	2.000	2.000		1.850			-150	
11	Đảng ủy khối vận xã Phú Mỹ	Huyện Giang Thành	2018-2020	Số 1834/QĐ-UBND, 12/9/2018 của UBND huyện	3.195	3.195	3.200		3.008			-192	
12	Đảng ủy khối vận xã Tân Khánh Hòa	Huyện Giang Thành	2018-2020	Số 1831/QĐ-UBND, 12/9/2018 của UBND huyện	3.598	3.598	3.600		3.198			-402	
13	Đê bao và cống đập giữ nước thuộc khu bảo tồn sinh cảnh xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành	Huyện Giang Thành	2018-2020	Số 1982/QĐ-UBND, 22/10/2018 của UBND huyện	6.994	6.994	6.994		6.990			-4	
14	Đường số 3, huyện Giang Thành	Huyện Giang Thành	2018-2020	Số 1624/QĐ-UBND, 17/8/2018 của UBND huyện	11.806	11.806	12.000		11.536			-464	
15	Xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành.	Huyện Giang Thành	2016-2020				2.500		2.489			-11	
	Sửa chữa 12 phòng trường Trung học cơ sở Phú Mỹ (Đ Trà Phô) -2020	Huyện Giang Thành	2020-2021	Số 1847/QĐ-UBND, 29/10/2019 của UBND huyện	497	497							
16	Xã Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành	Huyện Giang Thành	2016-2020				2.500		2.495			-5	

Số thứ tự	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách địa phương						
							Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Hàng rào Trường Tiểu học Tân Khánh Hòa (điểm Lò Bom) - 2020	Huyện Giang Thành	2020	Số 1833/QĐ-UBND, 28/10/2019 của UBND huyện	500	500							
17	Xã Vĩnh Phú, huyện Giang Thành	Huyện Giang Thành	2016-2020				2.500		2.481			-19	
	Hàng rào Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Vĩnh Phú B (điểm T5) - 2020	Huyện Giang Thành	2019-2020	Số 1974/QĐ-UBND, 22/10/2018 của UBND huyện	200	200							
18	Mở rộng đường HT2, huyện Giang Thành	Huyện Giang Thành	2018-2020	Số 1623/QĐ-UBND, 17/8/2018 của UBND huyện	7.985	7.985	8.000		7.886			-114	
XIV	Huyện Kiên Lương						11.340		11.124	0	0	-216	
1	Sửa chữa nhà làm việc Huyện ủy Kiên Lương	Huyện Kiên Lương		Số 2977/QĐ-UBND, 25/10/2018 của UBND huyện	3.000	3.000	2.990		2.784			-206	
2	Xây dựng bến cập tàu Hòn Nghệ	Huyện Kiên Lương	2017-2019	Số 3659/QĐ-UBND, 24/10/2017 của UBND huyện	10.202	9.000	8.350		8.340			-10	
XV	Thành phố Rạch Giá						5.788		7.113	0	1.325	0	
1	Cải tạo sửa chữa phòng học 2019	Thành phố Rạch Giá	2018-2019	Số 1073/QĐ-UBND, 25/10/2018 của UBND thành phố	2.425	2.425	2.144		2.165		21		
2	Nâng cấp đường Trương Định (đoạn từ đường Nguyễn Trung Trực đến Km1+590), TPRG.	Thành phố Rạch Giá	2019-2021	Số 661/QĐ-UBND, 03/9/2019 của UBND thành phố	9.568	9.568	3.644		4.948		1.304		
XVI	Huyện Tân Hiệp						24.921		25.264	0	1.234	-891	
1	Trường Tiểu học Thạnh Trúc (điểm chính 10P)	Huyện Tân Hiệp	2019-2020	Số 4437/QĐ-UBND, 19/10/2018 của UBND huyện	6.265	6.265	6.115		5.787			-328	

Số thứ tự	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương				
							Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Trường Tiểu học Tân An 2 (4P)	Huyện Tân Hiệp	2019-2020	Số 4486/QĐ-UBND, 23/10/2018 của UBND huyện	2.309	2.309	2.292		2.244			-48	
3	Trường Tiểu học thị trấn Tân Hiệp 1 (10P)	Huyện Tân Hiệp	2019-2020	Số 4515/QĐ-UBND, 25/10/2018 của UBND huyện	6.265	6.265	6.112		5.619			-493	
4	Trường Tiểu học Thạnh Đông 1 (6P)	Huyện Tân Hiệp	2019-2020	Số 4487/QĐ-UBND, 23/10/2018 của UBND huyện	3.866	3.866	3.792		3.770			-22	
5	Trường Tiểu học Tân Thành 2 (10P)	Huyện Tân Hiệp	2019-2021	Số 5060/QĐ-UBND, 18/10/2019 của UBND huyện	6.033	6.033	5.170		6.026		856		
6	Xây dựng mới nhà vệ sinh các trường năm 2020	Huyện Tân Hiệp		Số 5063/QĐ-UBND, 18/10/2019; 3600/QĐ-UBND, 19/6/2020 của UBND huyện	856	856	720		840		120		
7	Sửa chữa các trường năm 2020	Huyện Tân Hiệp	2.020	Số 5062/QĐ-UBND, 18/10/2019; 4957/QĐ-UBND, 13/11/2020 của UBND huyện	1.000	1.000	720		978		258		
XVII	Thành phố Hà Tiên						0		60.068	0	60.068	0	
1	Đường ra cửa khẩu quốc tế Hà Tiên	Thành phố Hà Tiên	2019-2023	Số 2510/QĐ-UBND, 31/10/2019 của UBND huyện	200.480	200.480			60.068		60.068		

Phụ lục II

DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 ĐẦU TƯ TỪ VỐN XỐ SỔ KIẾN THIẾT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 519 /2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ						1.329.639		1.329.639	0	91.515	-91.515	
I	Sở Y tế						1.044.784		1.090.932	0	82.648	-36.500	
1	Bệnh viện Tâm thần	Thành phố Rạch Giá	2010-2020	Số 67/QĐ-UBND, 10/01/2011; 2629/QĐ-UBND, 04/12/2017 của UBND tỉnh	166.192	104.296	81.000		58.000			-23.000	
2	Hệ thống thiết bị chuẩn đoán, điều trị bệnh từ xa (TELEMEDICINE) cho các bệnh viện, trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	2019-2020	Số 377/QĐ-SKHĐT, 30/10/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	14.500	14.500	13.500		0			-13.500	
3	Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang - quy mô 1020 giường	Thành phố Rạch Giá	2016-2020	Số 2236/QĐ-UBND, 29/10/2014; 2010/QĐ-UBND, 25/9/2017; 2247/QĐ-UBND, 01/10/2019; 2664/QĐ-UBND, 21/11/2019 của UBND tỉnh	4.113.078	1.890.000	949.573		1.030.271		80.698		
4	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	Huyện U Minh Thượng	2018-2020	Số 2279/QĐ-UBND, 30/10/2017 của UBND tỉnh	190.000	190.000	711		2.661		1.950		
II	Trung tâm nước sạch và Vệ sinh Môi trường Nông thôn						2.200		1.897	0	0	-303	

Số thứ tự	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương				
							Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Hệ thống đường ống nước xã Phú Mỹ	Huyện Giang Thành	2019-2020	Số 105/QĐ-SKHĐT, 21/5/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.200	2.200	2.200		1.897			-303	
III	Sở Giao thông vận tải						31.200		28.200	0	0	-3.000	
1	Cải tạo nâng cấp cầu Hùng Vương, huyện Phú Quốc	Huyện Phú Quốc	2019-2020	Số 1798/QĐ-UBND, 09/8/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	49.995	49.995	31.200		28.200			-3.000	
IV	Sở Văn hóa, Thể thao						94.374		74.187	0	0	-20.187	
1	Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Giồng Riềng	Huyện Giồng Riềng	2018-2020	Số 218/QĐ-SKHĐT, 11/9/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	9.900	9.900	9.900		9.800			-100	
2	Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Tân Hiệp	Huyện Tân Hiệp	2018-2020	Số 331/QĐ-SKHĐT, 31/10/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	9.200	9.200	10.000		9.880			-120	
3	Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Gò Quao	Huyện Gò Quao	2017-2019	Số 2467/QĐ-UBND, 31/10/2016 của UBND tỉnh	16.999	16.999	16.999		16.319			-680	
4	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020	Thành phố Rạch Giá	2019-2020	Số 2434/QĐ-UBND, 31/10/2018 của UBND tỉnh	49.616	49.616	6.516		1.129			-5.387	

Số thứ tự	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
5	Dự án bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa: + Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Tổng Quán - Gò Quao. + Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Quan Đế - Rạch Giá. + Di tích lịch sử văn hóa Đình thần Thanh Hòa - Giồng Riềng. + Di tích lịch sử văn hóa Đình thần Phú Hội - Tân Hiệp. + Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Láng Cát - Rạch Giá. + Di tích kiến trúc nghệ thuật chùa Sóc Xoài - Hòn Đất. + Di tích lịch sử văn hóa chùa Cái Bần - Gò Quao. + Di tích lịch sử văn hóa chùa Xẻo Cạn - U Minh Thượng. + Di tích lịch sử thắng cảnh Ba Hòn - Hòn Đất. + Di tích khảo cổ học Nền Chùa - Hòn Đất.	tỉnh Kiên Giang	2018-2020	Số 2282/QĐ-UBND, 30/10/2017 của UBND tỉnh	36.000	36.000	36.000		24.650			-11.350	
6	Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Kiên Hải	Huyện Kiên Hải	2018-2019	Số 340/QĐ-SKHĐT, 30/10/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	9.959	9.959	9.959		7.959			-2.000	
7	Bảo tồn và phát triển ấp văn hóa truyền thống dân tộc Khmer	Huyện Châu Thành	2010-2018	Số 1856/QĐ-SKHĐT, 24/8/2010; 1167/QĐ-SKHĐT, 18/5/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	8.873	8.873	2.000		1.550			-450	
8	Trùng tu tôn tạo di tích Tháp 04 sư liệt sĩ (giai đoạn 2)	Huyện Châu Thành	2019-2021	Số 369/QĐ-SKHĐT, 28/10/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	2.228	2.228	3.000		2.900			-100	
V	Sở Lao động Thương binh xã hội						41.550		31.450			-10.100	
1	Đài tưởng niệm liệt sĩ huyện Kiên Hải	Huyện Kiên Hải	2015-2017	Số 465/QĐ-SKHĐT, 29/10/2014 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	10.000	10.000	12.800		11.900			-900	



Số thứ tự	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách địa phương						
							Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Nghĩa trang liệt sĩ huyện An Minh	Huyện An Minh	2017-2018	Số 233/QĐ-SKHĐT, 29/6/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	1.500	1.500	1.800		1.700			-100	
3	Nghĩa trang Liệt sĩ Cây Bàng	Huyện U Minh Thượng	2019-2020	Số 339/QĐ-SKHĐT, 30/10/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	10.350	10.350	10.350		3.000			-7.350	
4	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sĩ tỉnh Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	2019-2020	Số 333/QĐ-SKHĐT, 29/10/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	5.000	5.000	3.700		3.350			-350	
5	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sĩ huyện An Minh	Huyện An Minh	2019-2020	Số 334/QĐ-SKHĐT, 29/10/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	7.000	7.000	5.100		4.600			-500	
6	Nâng cấp, sửa chữa Trường trung cấp nghề Tân Hiệp	Huyện Tân Hiệp	2018-2020	Số 326/QĐ-SKHĐT, 29/10/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư	9.669	9.669	7.800		6.900			-900	
VI	Huyện Tân Hiệp						18.912		18.147	0	0	-765	
1	Trạm y tế xã Tân Hiệp A.	Huyện Tân Hiệp	2018-2019	Số 4438/QĐ-UBND, 30/10/2017 của UBND huyện	4.500	4.500	3.490		3.469			-21	
2	Công viên Văn hóa thị trấn Tân Hiệp	Huyện Tân Hiệp	2017	Số 2152/QĐ-UBND, 31/10/16 của UBND huyện	3.699	3.699	2.422		2.302			-120	
3	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đông Thọ	Huyện Tân Hiệp	2019-2020	Số 4584/QĐ-UBND, 30/10/2018 của UBND huyện	5.000	5.000	5.000		4.988			-12	
4	Cầu ngang sông Ba Vàm giáp xã Thạnh Đông B	Huyện Tân Hiệp	2019-2020	Số 4587/QĐ-UBND, 30/10/2018 của UBND huyện	4.000	4.000	4.000		3.654			-346	
5	Xây dựng mới Nhà vệ sinh các điểm trường bổ sung 2019-2020	Huyện Tân Hiệp	2019-2020	Số 4585/QĐ-UBND, 30/10/2018 của UBND huyện	5.000	4.000	4.000		3.734			-266	
VII	Huyện Giang Thành						17.700		17.142	0	0	-558	
1	Trung tâm văn hóa xã Vĩnh Phú	Huyện Giang Thành	2020	Số 1834/QĐ-UBND, 28/10/2019 của UBND huyện	4.247	2.000	2.000		1.940			-60	

Số thứ tự	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách địa phương						
							Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
2	Xử lý môi trường bãi rác xã Phú Mỹ	Huyện Giang Thành	2018-2020	Số 2114/QĐ-UBND, 31/10/2018 của UBND huyện	1.999	1.999	2.000		1.963			-37	
3	03 cầu đường HT6 bờ nam	Huyện Giang Thành	2018-2020	Số 2113c/QĐ-UBND, 31/10/2018 của UBND huyện	2.943	2.943	3.000		2.814			-186	
4	Đường đê bao quốc phòng	Huyện Giang Thành	2018-2020	Số 1992/QĐ-UBND, 23/10/2018; 2113a/QĐ-UBND, 31/10/2018 của UBND huyện	6.124	6.124	6.100		5.973			-127	
5	02 cầu đường đê bao quốc phòng	Huyện Giang Thành	2018-2020	Số 2113b/QĐ-UBND, 31/10/2018 của UBND huyện	5.108	5.108	4.600		4.452			-148	
VIII	Thành phố Rạch Giá						31.600		11.600	0	0	-20.000	
1	Cầu Vàm Trư (đường Huỳnh Thúc Kháng)	Thành phố Rạch Giá		Số 2506/QĐ-UBND, 31/10/2019 của UBND thành phố	24.915	24.915	11.600		9.600			-2.000	
2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đường Lê Hồng Phong đến đường Phan Thị Ràng)	Thành phố Rạch Giá		Số 2507/QĐ-UBND, 31/10/2019 của UBND thành phố	53.469	53.469	10.000		1.000			-9.000	
3	Đường Trần Văn Giàu (Khu dân cư Nam An Hòa-đường Phan Thị Ràng)	Thành phố Rạch Giá		Số 2508/QĐ-UBND, 31/10/2019 của UBND thành phố	64.818	64.818	10.000		1.000			-9.000	
IX	huyện Kiên Lương						7.593		7.513	0	0	-80	
1	Sửa chữa phòng học xuống cấp 2019	Huyện Kiên Hải	2019-2020	Số 2970/QĐ-UBND, 25/10/2018 của UBND huyện	700	700	1.593		1.573			-20	
2	Sân vận động huyện Kiên Lương	Huyện Kiên Hải	2019-2020	Số 2976/QĐ-UBND, 25/10/2018 của UBND huyện	6.000	6.000	6.000		5.940			-60	

Số thứ tự	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Chênh lệch kế hoạch		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
X	huyện Kiên Hải						6.390		6.368	0	0	-22	
1	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn.	Huyện Kiên Lương	2019-2020	Số 955/QĐ-UBND, 31/10/2018 của UBND huyện	3.960	3.960	3.960		3.943			-17	
2	Trường Mầm non Sao Mai.	Huyện Kiên Lương	2019-2020	Số 956/QĐ-UBND, 31/10/2018 của UBND huyện	2.430	2.430	2.430		2.425			-5	
XI	Huyện An Biên						13.336		13.598	0	262	0	
1	Sửa chữa nâng cấp trạm y tế Nam Thái, Nam Thái A, Tây Yên	Huyện An Biên	2015-2017	Số 3569/QĐ-UBND, 30/10/2017 của UBND huyện	2.115	2.115	3.903		3.908		5		
2	Trung tâm Văn hóa thể thao huyện An Biên	Huyện An Biên		Số 3557/QĐ-UBND, 29/10/2015 của UBND huyện	9.942	9.942	9.433		9.690		257		
XII	Thành phố Hà Tiên						20.000		28.605	0	8.605	0	
1	Đường ra cửa khẩu quốc tế Hà Tiên	Thành phố Hà Tiên	2019-2023	Số 2510/QĐ-UBND, 31/10/2019 của UBND tỉnh	200.480	200.480	20.000		28.605		8.605		



Phụ lục III
DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH TRUNG HẠN 2016 - 2020 ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 519 /2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

Số thứ tự	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Chênh lệch		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư								
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Trong đó: ngân sách địa phương						
							Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tăng (+)	Giảm (-)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ						152.493		152.493	0	18.156	-18.156	
I	Sở Giao thông vận tải						125.493		133.493	0	15.694	-7.694	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	Huyện Châu Thành, thành phố Rạch Giá	2019-2023	Số 2070/QĐ-UBND, 11/9/2019 của UBND tỉnh	1.410.719	1.410.719	20.000		12.306			-7.694	
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	Huyện Hòn Đất, thành phố Rạch Giá	2019-2023	Số 2232/QĐ-UBND, 30/9/2019; 2499/QĐ-UBND, 31/10/2019 của UBND tỉnh	952.960	952.960	105.493		121.187		15.694		
II	Sở Du lịch						12.100		2.388	0	0	-9.712	
1	Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê + đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cống Hòn Quáo)	Huyện Hòn Đất	2019-2021	Số 2504/QĐ-UBND, 31/10/2019 của UBND tỉnh	30.000	30.000	9.100		388			-8.712	

Số thứ tự	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch các năm			kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 5 năm 2016-2020		Chênh lệch		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Trong đó: ngân sách địa phương		Trong đó: ngân sách địa phương		Tăng (+)	Giảm (-)	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách địa phương	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản	Tổng số	Trong đó: Thanh toán nợ xây dựng cơ bản			
2	Đường vào khu du lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Phận - mộ Chì Sứ)	Huyện Hòn Đất	2019-2022	Số 2505/QĐ-UBND, 31/10/2019 của UBND tỉnh	59.453	59.453	3.000		2.000			-1.000	
III	Huyện An Biên						14.900		14.150	0	0	-750	
1	Đường Thử Ba (từ cầu tuyến tránh Thử Ba - Đường số 1 và các cầu trên tuyến)	Huyện An Biên	2019-2021	Số 3888/QĐ-UBND, 27/9/2019 của UBND huyện	14.900	14.900	14.900		14.150			-750	
IV	Thành phố Hà Tiên						0		2.462	0	2.462	0	
1	Đường ra cửa khẩu quốc tế Hà Tiên	Thành phố Hà Tiên	2019-2023	Số 2510/QĐ-UBND, 31/10/2019 của UBND tỉnh	200.480	200.480			2.462		2.462		